放生儀規

NGHI LỄ PHÓNG SANH
RITUAL FOR LIBERATING LIVES

Hoa/Việt (Phụ Âm Anh Ngữ Pinyin)

中越版（附漢語拼音）

Chinese/Vietnamese edition (with pinyin romanization of Chinese)





Nam	Mô	Đại	Bi	Quán	Thế	Âm	Bồ	Tát
南	無	大	悲	觀	世	音	菩	薩
ná	mó	dà	bēi	guān	shì	yīn	pú	sà

目 錄

Table of Contents

Mục Lục

Dương Chi Tịnh Thủy Tán
楊 枝 淨 水 讚 1
Praise for Purifying the Water

Đại Bi Chú
大 悲 咒 2
Great Compassion Mantra

Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh
般 若 波 羅 蜜 多 心 經 13
bō rě bō luó mì duō xīn jīng

Vãng Sanh Tịnh Độ Thần Chú
往 生 淨 土 神 咒 17
Rebirth to Pure Land Dharani

Thất Phật Diệt Tội Chân Ngôn
七 佛 滅 罪 真 言 21
The True Words of Seven Buddhas for Eradicating Offenses

Phóng Sanh Chú
放 生 咒 22
Liberating Lives Mantra

Tán
讚 31
Praise

Tam Quy Y
三 皈 依 33
Three Refuges

Hồi Hướng
迴 向 35
Dedication of Merit

Dương Chi Tịnh Thủy Tán

楊枝淨水讚

Praise for Purifying the Water

Dương chi tịnh thủy　　Biến sái tam thiên
楊枝淨水　　遍灑三千
yáng zhī jìng shuǐ　　biàn sǎ sān qiān

Tánh không bát đức lợi nhân thiên
性空八德利人天
xìng kōng bā dé lì rén tiān

Phúc thọ quảng tăng diên
福壽廣增延
fú shòu guǎng zēng yán

Diệt tội tiêu khiên　　Hỏa diễm hóa hồng liên
滅罪除愆　　火燄化紅蓮
miè zuì chú qiān　　huǒ yàn huà hóng lián

Nam Mô Thanh Lương Địa　　Bồ Tát Ma Ha Tát (3lần)
南無清涼地　　菩薩摩訶薩 (三稱)
ná mó qīng liáng dì　　pú sà mó hē sà (3x)

Nam Mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát (3lần)
南 無 大 悲 觀 世 音 菩 薩 (三稱)
ná mó dà bēi guān shì yīn pú sà (3x)

Đại Bi Chú

大悲咒

Great Compassion Mantra

Nam mô hắc ra đát na đa ra dạ da
南 無 喝 囉 怛 那 哆 囉 夜 耶
na mo he la da na duo la ye ye

Nam mô a rị da
南 無 阿 唎 耶
na mo e li ye

Bà lô yết đế thước bát ra da
婆 盧 羯 帝 爍 鉢 囉 耶
po lu jie di shuo bo la ye

Bồ đề tát đỏa bà da
菩 提 薩 埵 婆 耶
pu ti sa tuo po ye

Ma ha tát đỏa bà da
摩 訶 薩 埵 婆 耶
mo he sa tuo po ye

Ma ha ca lô ni ca da
摩訶迦盧尼迦耶
mo he jia lu ni jia ye

Án
唵
nan

Tát bàn ra phạt duệ
薩皤囉罰曳
sa pan la fa ye

Số đát na đát tỏa
數怛那怛寫
suo da nuo da xie

Nam mô tất kiết lật đỏa y mông a rị da
南無悉吉利埵伊蒙阿利耶
na mo xi ji li tuo yi meng e li ye

Bà lô kiết đế thất Phật ra lăng đà bà
婆盧吉帝室佛囉楞馱婆
po lu ji di shi fo la leng tuo po

Nam mô na ra cẩn trì
南無那囉謹墀
na mo nuo la jin chi

Hê rị ma ha bàn đa sa mế
醯唎摩訶皤哆沙咩
xi li mo he pan duo sa mie

Tát bà a tha đậu du bằng
薩 婆 阿 他 豆 輸 朋
sa po a ta dou shu peng

A thệ dựng
阿 逝 孕
a shi yun

Tát bà tát đa Na ma bà tát đa
薩 婆 薩 哆 那 摩 婆 薩 多
sa po sa duo na mo po sa duo

Na ma bà dà
那 摩 婆 伽
na mo po qie

Ma phạt đạt đậu
摩 罰 特 豆
mo fa te dou

Đát điệt tha
怛 姪 他
da zhi tuo

Án
唵
nan

A bà lô hê
阿 婆 盧 醯
a po lu xi

Lô ca đế
盧 迦 帝
lu jia di

Ca ra đế
迦 囉 帝
jia la di

Di hê rị
夷 醯 唎
yi xi li

Ma ha bồ đề tát đỏa
摩 訶 菩 提 薩 埵
mo he pu ti sa tuo

Tát bà tát bà
薩 婆 薩 婆
sa po sa po

Ma ra ma ra
摩 囉 摩 囉
mo la mo la

Ma hê ma hê rị đà dựng
摩 醯 摩 醯 唎 馱 孕
mo xi mo xi li tuo yun

Cu lô cu lô yết mông
俱 盧 俱 盧 羯 蒙
ju lu ju lu jie meng

Độ lô độ lô phạt xà da đế
度 盧 度 盧 罰 闍 耶 帝
du lu du lu fa she ye di

Ma ha phạt xà da đế
摩 訶 罰 闍 耶 帝
mo he fa she ye di

Đà ra đà ra
陀 囉 陀 囉
tuo la tuo la

Địa rị ni
地 利 尼
di li ni

Thất Phật ra da
室 佛 囉 耶
shi fo la ye

Dá ra dá ra
遮 囉 遮 囉
zhe la zhe la

Mạ mạ phạt ma ra
摩 摩 罰 摩 囉
mo mo fa mo la

Mục đế lệ
穆 帝 隸
mu di li

Y hê y hê
伊醯伊醯
yi xi yi xi

Thất na thất na
室那室那
shi nuo shi nuo

A ra sâm Phật ra xá lợi
阿囉參佛囉舍利
a la shen fo la she li

Phạt sa phạt sâm
罰沙罰參
fa sha fa shen

Phật ra xá da
佛囉舍耶
fo la she ye

Hô lô hô lô ma ra
呼盧呼盧摩囉
hu lu hu lu mo la

Hô lô hô lô hê ri
呼盧呼盧醯利
hu lu hu lu xi li

Ta ra ta ra
娑囉娑囉
suo la suo la

Tất rị tất rị
悉唎悉唎
xi li xi li

Tô rô tô rô
蘇嚧蘇嚧
su lu su lu

Bồ đề dạ bồ đề dạ
菩提夜菩提夜
pu ti ye pu ti ye

Bồ đà dạ bồ đà dạ
菩馱夜菩馱夜
pu tuo ye pu tuo ye

Di đế rị dạ
彌帝利夜
mi di li ye

Na ra cẩn trì
那囉謹墀
na la jin chi

Địa rị sắc ni na
地利瑟尼那
di li shai ni na

Ba dạ ma na
婆夜摩那
po ye mo na

Ta bà ha
娑 婆 訶
suo po he

Tất đà dạ
悉 陀 夜
xi tuo ye

Ta bà ha
娑 婆 訶
suo po he

Ma ha tất đà dạ
摩 訶 悉 陀 夜
mo he xi tuo ye

Ta bà ha
娑 婆 訶
suo po he

Tất đà du nghệ
悉 陀 喻 藝
xi tuo yu yi

Thất bàn ra dạ
室 皤 囉 耶
shi pan la ye

Ta bà ha
娑 婆 訶
suo po he

Na ra cẩn trì
那 囉 謹 墀
na la jin chi

Ta bà ha
娑 婆 訶
suo po he

Ma ra na ra
摩 囉 那 囉
mo la na la

Ta bà ha
娑 婆 訶
suo po he

Tất ra tăng a mục khê da
悉 嚧 僧 阿 穆 佉 耶
xi lu seng a mu qie ye

Ta bà ha
娑 婆 訶
suo po he

Ta bà ma ha a tất đà dạ
娑 婆 摩 訶 阿 悉 陀 夜
suo po mo he a xi tuo ye

Ta bà ha
娑 婆 訶
suo po he

Giả kiết ra a tất đà dạ
者 吉 囉 阿 悉 陀 夜
zhe ji la a xi tuo ye

Ta bà ha
娑 婆 訶
suo po he

Ba đà ma yết tất đà dạ
波 陀 摩 羯 悉 陀 夜
bo tuo mo jie xi tuo ye

Ta bà ha
娑 婆 訶
suo po he

Na ra cẩn trì bàn đà ra dạ
那 囉 謹 墀 畔 伽 囉 耶
nuo la jin chi pan qie la ye

Ta bà ha
娑 婆 訶
suo po he

Ma bà rị thắng yết ra dạ
摩 婆 利 勝 羯 囉 夜
mo po li sheng jie la ye

Ta bà ha
娑 婆 訶
suo po he

Nam mô hắc ra đát na đa ra dạ da
南 無 喝 囉 怛 那 哆 囉 夜 耶
na mo he la da na duo la ye ye

Nam mô a rị da
南無阿利耶
na mo a li ye

Bà lô kiết đế
婆嚧羯帝
po lu jie di

Thước bàn ra dạ
爍鉢囉夜
shao bo la ye

Ta bà ha
娑婆訶
suo po he

Án
唵
nan

Tất điện đô
悉殿都
xi dian du

Mạn đa ra
漫多囉
man duo la

Bạt đà gia
跋陀耶
ba tuo ye

Ta bà ha
娑婆訶
suo po he

(Tụng 3lần hoặc nhiều lần)

(三遍或多遍)

(recite three times or many times)

Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh

般若波羅蜜多心經

bō rě bō luó mì duō xīn jīng

Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm Bát Nhã Ba La
觀自在菩薩，行深般若波羅
guān zì zài pú sà xíng shēn bō rě bō luó

Mật Đa thời chiếu kiến ngũ uẩn giai không độ
蜜多時，照見五蘊皆空，度
mì duō shí zhào jiàn wǔ yùn jiē kōng dù

nhất thiết khổ ách Xá Lợi Tử sắc bất dị
一切苦厄。舍利子，色不異
yí qiè kǔ è shè lì zǐ sè bú yì

không không bất dị sắc Sắc tức thị không
空，空不異色。色即是空，
kōng kōng bú yì sè sè jí shì kōng

không tức thị sắc thọ tưởng hành thức diệc phục như
空即是色，受想行識亦復如
kōng jí shì sè shòu xiǎng xíng shì yì fù rú

thị Xá Lợi Tử thị chư pháp không tướng
是。舍利子，是諸法空相，
shì shè lì zǐ shì zhū fǎ kōng xiàng

bất sanh bất diệt 不生不滅，
bù shēng bú miè

bất cấu bất tịnh 不垢不淨，
bú gòu bú jìng

bất tăng bất giảm 不增不減。
bù zēng bù jiǎn

Thị cố không trung vô sắc 是故空中無色，
shì gù kōng zhōng wú sè

vô thọ tưởng hành thức 無受想行識，
wú shòu xiǎng xíng shì

vô nhãn nhĩ tỵ thiệt thân ý 無眼耳鼻舌身意，
wú yǎn ěr bí shé shēn yì

vô sắc thanh hương vị xúc pháp 無色聲香味觸法。
wú sè shēng xiāng wèi chù fǎ

Vô nhãn giới 無眼界，
wú yǎn jiè

nãi chí vô ý thức giới 乃至無意識界。
nǎi zhì wú yì shì jiè

Vô vô minh diệc 無無明，亦
wú wú míng yì

vô vô minh tận 無無明盡。
wú wú míng jìn

Nãi chí vô lão tử diệc 乃至無老死，亦
nǎi zhì wú lǎo sǐ yì

vô lão tử tận 無老死盡。
wú lǎo sǐ jìn

Vô khổ tập diệt đạo vô 無苦集滅道，無
wú kǔ jí miè dào wú

trí diệc vô đắc 智亦無得。
zhì yì wú dé

Dĩ vô sở đắc cố Bồ 以無所得故，菩
yǐ wú suǒ dé gù pú

Đề Tát Đỏa y Bát Nhã Ba La Mật Đa cố
提薩埵，依般若波羅蜜多故，
tí sà duǒ yī bō rě bō luó mì duō gù

tâm vô quái ngại Vô quái ngại cố vô hữu
心無罣礙。無罣礙故，無有
xīn wú guà ài wú guà ài gù wú yǒu

khủng bố viễn ly điên đảo mộng tưởng cứu cánh
恐怖，遠離顛倒夢想，究竟
kǒng bù yuǎn lí diān dǎo mèng xiǎng jiù jìng

Niết Bàn Tam thế chư Phật y Bát Nhã Ba La
涅槃。三世諸佛依般若波羅
niè pán sān shì zhū fó yī bō rě bō luó

Mật Đa cố đắc A Nậu Đa La Tam Miệu Tam
蜜多故，得阿耨多羅三藐三
mì duō gù dé ā nòu duō luó sān miǎo sān

Bồ Đề Cố tri Bát Nhã Ba La Mật Đa
菩提。故知般若波羅蜜多，
pú tí gù zhī bō rě bō luó mì duō

thị đại thần chú thị đại minh chú thị vô
是大神咒，是大明咒，是無
shì dà shén zhòu shì dà míng zhòu shì wú

thượng chú thị vô đẳng đẳng chú Năng trừ nhất
上咒，是無等等咒。能除一
shàng zhòu shì wú děng děng zhòu néng chú yí

thiết khổ chân thật bất hư Cố thuyết Bát Nhã
切苦，真實不虛。故說般若
qiè kǔ zhēn shí bù xū gù shuō bō rě

Ba La Mật Đa chú tức thuyết chú viết Yết
波羅蜜多咒，即說咒曰：揭
bō luó mì duō zhòu jí shuō zhòu yuē jiē

đế yết đế ba la yết đế ba la tăng
諦揭諦。波羅揭諦。波羅僧
dì jiē dì bō luó jiē dì bō luó sēng

yết đế bồ đề tát bà ha
揭諦。菩提薩婆訶。
jiē dì pú tí sà pó hē

Vãng Sanh Tịnh Độ Thần Chú

往生淨土神咒

Rebirth to Pure Land Dharani

Nam mô a di đa bà dạ
南無阿彌多婆夜。
ná mó ā mí duō pó yè

Đa tha dà đa dạ Đa địa dạ tha
哆他伽多夜。哆地夜他。
duō tā qié duō yè duō dì yè tā

A di rị đô bà tỳ A di rị đa
阿彌利都婆毗。阿彌利哆。
ā mí lì dū pó pí ā mí lì duō

tất đam bà tỳ A di rị đa
悉耽婆毗。阿彌唎哆。
xī dān pó pí ā mí lī duō

tỳ ca lan đế A di rị đa
毗迦蘭帝。阿彌唎哆。
pí jiā lán dì ā mí lī duō

tỳ ca lan đa dà di nị
毗迦蘭多。伽彌膩。
pí jiā lán duō qié mí nì

Dà dà na Chỉ đa ca lệ
伽伽那。枳多迦利。
qié qié nà zhǐ duō jiā lì

Ta bà ha (3lần)
娑婆訶。(三遍)
suō pó hē (3x)

Nam mô Cam Lộ Vương Bồ Tát Ma Ha Tát (3lần)
南無甘露王菩薩摩訶薩 (三稱)
ná mó gān lù wáng pú sà mó hē sà (3x)

Khải Thỉnh Tam Bảo
啟請三寶
To invite the Three Jewels

Hương hoa nghênh hương hoa thỉnh
香花迎 香花請
xiāng huā yíng xiāng huā qǐng

Nam Mô nhất tâm phụng thỉnh
南無一心奉請
ná mó yì xīn fèng qǐng

Tận hư không biến pháp giới
盡虛空遍法界
jìn xū kōng biàn fǎ jiè

Thập phương thường trụ PhậtPháp Tăng Tam Bảo (3lần)
十方常住佛法僧三寶 (三遍)
shí fāng cháng zhù fó fǎ sēng sān bǎo (3x)

Pháp sư bạch rằng:
法師白云:
Presiding Dharma Master recites:

Thập phương Tam Bảo, Thích Ca Bổn Sư, Di Đà từ phụ, Bảo Thắng Như Lai, Quán Âm Bồ Tát, Lưu Thủy trưởng giả tử, Thiên Thai Vĩnh Minh, và các Đại Sĩ, duy nguyện từ bi, chứng tri hộ niệm. Nay có chúng sanh sống trong nước, đi trên đất, bay trên không, bị người đánh bắt, ắt vào đường chết. Đệ tử chúng con, phát tâm từ bi, hành Bồ Tát đạo, chuộc những mạng này, thả cho tự do. Thuận theo Kinh Đại Thừa, vì chúng sám hối, truyền Tam Quy Y, xưng dương Thập Hiệu và thuyết Mười Hai Nhân Duyên. Nhưng những loài này, tội chướng sâu nặng, thần thức mê mờ, không thể hiểu được, các Pháp thâm sâu.

十方三寶，釋迦本師，彌陀慈父，寶勝如來，觀音菩薩流水長者子，天台永明，諸大士等，惟願慈悲，證知護念，今有水陸飛行，諸眾生，為他網捕，將入死門。弟子〇〇等，發慈悲心，學菩薩行，贖其身命，放使逍遙；承順大乘經典，代為懺悔，授與三皈，稱揚十號，及說十二因緣。但以此類，罪障深重，神識昏迷，不能了知，方等深法。

Ngưỡng cầu oai đức thập phương Tam Bảo, âm thầm gia hộ, khiến chúng khai ngộ, sớm được giải thoát. Này Phật Tử! Các vị hãy nhớ những trọng nghiệp đã tạo từ nhiều đời, rồi bị đọa vào đường súc sanh. Nay vì các vị đối trước Tam Bảo, bày tỏ lỗi lầm, đem lòng chí thành, theo ta sám hối.

仰乞　十方三寶，威德冥加，令其開悟，早得解脫。佛子！念汝多生業重，墮在畜生。今為汝等，對三寶前，發露罪愆，汝當至誠，隨我懺悔。

Đại chúng cùng niệm:
大 眾 齊 念：
All recite:

Vãng tích sở tác chư tội nghiệp
往 昔 所 造 諸 惡 業
wǎng xī suǒ zào zhū è yè

Giai do vô thủy tham sân si
皆 由 無 始 貪 瞋 癡
jiē yóu wú shǐ tān chēn chī

Tùng thân ngữ ý chi sở sanh
從 身 語 意 之 所 生
cóng shēn yǔ yì zhī suǒ shēng

Nhất thiết ngã kim giai sám hối (3lần)
一 切 我 今 皆 懺 悔 (三遍)
yí qiè wǒ jīn jiē chàn huǐ (3x)

Tội tùng tâm khởi tương tâm sám
罪 從 心 起 將 心 懺
zuì cóng xīn qǐ jiāng xīn chàn

Tâm nhược diệt thời tội diệc vong
心 若 滅 時 罪 亦 亡
xīn ruò miè shí zuì yì wáng

Tâm vong tội diệt lưỡng câu không
心 亡 罪 滅 兩 俱 空
xīn wáng zuì miè liǎng jù kōng

Thị tắc danh vi chân sám hối (3lần)
是 則 名 爲 真 懺 悔 (三遍)
shì zé míng wéi zhēn chàn huǐ (3x)

Nam Mô Thanh Lương Địa Bồ Tát Ma Ha Tát (3lần)
南 無 清 涼 地 菩 薩 摩 訶 薩 (三稱)
ná mó qīng liáng dì pú sà mó hē sà (3x))

Thất Phật Diệt Tội Chân Ngôn

七 佛 滅 罪 真 言

The True Words of Seven Buddhas for Eradicating Offenses

Ly bà ly bà đế 。 Cầu ha cầu ha đế 。
離 婆 離 婆 帝 。 求 訶 求 訶 帝 。
lí pó lí pó dì qiú hē qiú hē dì

Đà la ni đế 。 Ni ha ra đế 。
陀 羅 尼 帝 。 尼 訶 囉 帝 。
tuó luó ní dì ní hē lā dì

Tỳ lê nễ đế 。 Ma ha già đế 。
毗 黎 你 帝 。 摩 訶 伽 帝 。
pí lí nǐ dì mó hē qié dì

Chân lăng càn đế 。 Ta bà ha 。 (3lần)
真 陵 乾 帝 。 莎 婆 訶 。 (三遍)
zhēn líng qián dì suō pó hē (3x)

Phóng Sanh Chú

放 生 咒

Liberating Lives Mantra

Án
唵 。
nān

Tát oát ba bát
薩 斡 巴 缽 。
sà wò bā bō

Nguyệt tư phổ trá
月 斯 普 吒 。
yuè sī pǔ zhā

Đát hạ ra
怛 賀 囉 。
dá hè lā

Oát tư ra da
斡 資 囉 耶 。
wò zī lā yē

Ta ha (3lần)
莎 訶 。 (三遍)
suō hē (3x)

Pháp sư bạch rằng:
法師白云:
Presiding Dharma Master recites:

Các Phật tử! Các vị vì không nghe danh Tam Bảo, không biết Quy Y, nên bị luân hồi trong ba cõi Hữu (tức Dục Hữu, Sắc Hữu, Vô Sắc Hữu). Nay bị đọa làm súc sanh, nên ta truyền Tam Quy Y cho Các vị. Hỡi các Phật tử, hãy lắng nghe đây!

諸佛子！汝等不聞三寶，不解皈依，所以輪迴三有。
今墮畜生，我今授汝等，三皈依法，汝今諦聽。
諸佛子等！

Đại chúng cùng niệm:
大眾齊念:
All recite:

Quy y Phật, quy y Pháp quy y Tăng
皈依佛，皈依法，皈依僧。
guī yī fó guī yī fǎ guī yī sēng

Quy y Phật lưỡng túc tôn
皈依佛，兩足尊。
guī yī fó liǎng zú zūn

Quy y Pháp ly dục tôn
皈依法，離欲尊。
guī yī fǎ lí yù zūn

Quy y Tăng chúng trung tôn
皈依僧，衆中尊。
guī yī sēng zhòngzhōng zūn

Quy y Phật bất đọa địa ngục
皈依佛，不墮地獄。
guī yī fó bú duò dì yù

Quy y Pháp bất đọa ngạ quỷ
皈依法，不墮餓鬼。
guī yī fǎ bú duò è guǐ

Quy y Tăng bất đọa bàng sanh
皈依僧，不墮傍生。
guī yī sēng bú duò páng shēng

Quy y Phật cánh quy y Pháp cánh
皈依佛竟，皈依法竟，
guī yī fó jìng guī yī fǎ jìng

Quy y Tăng cánh (3lần)
皈依僧竟。(三遍)
guī yī sēng jìng (3x)

Pháp sư bạch rằng:
法師白云：
Presiding Dharma Master recites :

Nay các Phật Tử! Đã quy y Phật rồi, đã quy y Pháp rồi, đã quy y Tăng rồi. Từ nay về sau, tôn Phật làm Thầy, tuyệt không quy y, tà ma ngoại đạo. Từ nay về sau, tôn Pháp làm Thầy, tuyệt không quy y, kinh điển ngoại đạo. Từ nay về sau, tôn Tăng làm Thầy, tuyệt không quy y, ngoại đạo tà giáo.

汝等佛子！皈依佛竟，皈依法竟，皈依僧竟。
從今以往，稱佛為師，更不皈依，邪魔外道。
從今以往，稱法為師，更不皈依，外道典籍。
從今以往，稱僧為師，更不皈依，外道邪眾。

Này các Phật Tử, đã quy y Tam Bảo rồi, nay ta vì các vị thuyết Mười Hai Nhân Duyên: tướng sanh, tướng diệt, để cho tất cả hiểu biết Pháp Sanh Diệt. Ngộ được Pháp Bất Sanh Diệt, liền được cứu cánh, liền được thanh tịnh, liền được tự tại. Một khi cứu cánh, tất cả được cứu cánh, một khi thanh tịnh, tất cả được thanh tịnh, một khi tự tại, lúc nào cũng tự tại. Cùng với chư Phật, chứng Đại Niết Bàn.

Do vô minh dẫn đến hành, hành dẫn đến thức, thức dẫn đến danh sắc, danh sắc dẫn đến lục nhập, lục nhập dẫn đến xúc, xúc dẫn đến thọ, thọ dẫn đến ái, ái dẫn đến thủ, thủ dẫn đến hữu, hữu dẫn đến sanh, sanh dẫn đến lão tử và ưu sầu khổ não.

Khi diệt được vô minh tức diệt được hành, diệt hành tức diệt thức, diệt thức tức diệt danh sắc, diệt danh sắc tức diệt lục nhập, diệt lục nhập tức diệt xúc, diệt xúc tức diệt thọ, diệt thọ tức diệt ái, diệt ái tức diệt thủ, diệt thủ tức diệt hữu, diệt hữu tức diệt sanh, sanh diệt thì lão tử diệt và ưu sầu khổ não cũng bị diệt theo.

Vô minh không có tự tính tức là bản thể bất động của chư Phật.

Bởi các vị chấp trước, nên khởi vô minh. Ví như bệnh mắt, thấy hoa đốm trong không trung. Một khi ngộ được lý này, vô minh liền bị diệt.

諸佛子等，皈依三寶已，我今更為汝說，十二因緣，生相滅相，令汝等，了知生滅之法，悟不生滅之法，當處究竟，當處清淨，當處自在。一究竟，一切究竟；一清淨，一切清淨；一自在，一切自在。同於諸佛，證大涅槃。所謂無明緣行，行緣識，識緣名色，名色緣六入，六入緣觸，觸緣受，受緣愛，愛緣取，取緣有，有緣生，生緣老死憂悲苦惱。所謂無明滅則行滅，行滅則識滅，識滅則名色滅，名色滅則六入滅，六入滅則觸滅，觸滅則受滅，受滅則愛滅，愛滅則取滅，取滅則有滅，有滅則生滅，生滅則老死憂悲苦惱滅。無明無性，本是諸佛，不動之體。汝等執著，妄起無明；譬如病目，見空中花。既知是已，無明即滅。

Lại vì các Phật Tử, xưng Tứ Hoằng Thệ Nguyện, để các vị được nghe, theo Phật phát nguyện, theo nguyện tu hành. Hãy lắng nghe đây!

佛子，再為汝等，稱四弘誓願，令汝得聞，依佛發願，依願修行，汝今諦聽！

Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ
眾生無邊誓願度，
zhòng shēng wú biān shì yuàn dù

Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn
煩惱無盡誓願斷，
fán nǎo wú jìn shì yuàn duàn

Pháp môn vô lượng thệ nguyện học
法門無量誓願學，
fǎ mén wú liàng shì yuàn xué

Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành (3lần)
佛道無上誓願成。 (三遍)
fó dào wú shàng shì yuàn chéng (3x)

Tự tánh chúng sanh thệ nguyện độ
自性眾生誓願度，
zì xìng zhòng shēng shì yuàn dù

Tự tánh phiền não thệ nguyện đoạn
自性煩惱誓願斷，
zì xìng fán nǎo shì yuàn duàn

Tự tánh pháp môn thệ nguyện học
自性法門誓願學，
zì xìng fǎ mén shì yuàn xué

Tự tánh Phật Đạo thệ nguyện thành (3lần)
自性佛道誓願成。 (三遍)
zì xìng fó dào shì yuàn chéng (3x)

Pháp sư bạch rằng:
法師白云:
Presiding Dharma Master recites :

Này các Phật Tử, nay ta vì các vị xưng tán danh hiệu kiết tường của Đức Như Lai, để cho các vị vĩnh viễn thoát ly ba đường ác và tám nạn khổ, thường được làm Phật Tử chân chính và thanh tịnh của Như Lai.

諸佛子，我更為汝，稱讚如來，吉祥名號，
能令汝等，永離三途、八難之苦，常為如來，真淨佛子。

Đại chúng cùng niệm:
大眾齊念:
All recite:

Nam Mô Đa Bảo Như Lai
南無多寶如來
ná mó duō bǎo rú lái

Nam Mô Bảo Thắng Như Lai
南無寶勝如來
ná mó bǎo shèng rú lái

Nam Mô Diệu Sắc Thân Như Lai
南無妙色身如來
ná mó miào sè shēn rú lái

Nam Mô Quảng Bác Thân Như Lai
南無廣博身如來
ná mó guǎng bó shēn rú lái

Nam Mô Ly Bố Úy Như Lai
南 無 離 怖 畏 如 來
ná mó lí bù wèi rú lái

Nam Mô Cam Lộ Vương Như Lai
南 無 甘 露 王 如 來
ná mó gān lù wáng rú lái

Nam Mô A Di Đà Như Lai (3lần)
南 無 阿 彌 陀 如 來 (三遍)
ná mó ā mí tuó rú lái (3x)

Pháp sư bạch rằng:
法師白云：
Presiding Dharma Master recites:

Này các Phật Tử, bảy Đức Phật đây đều dùng nguyện lực cứu vớt chúng sanh. Xưng tán ba lần danh hiệu Như Lai, ngàn đời được lìa khổ và chứng đạo vô thượng. Nên nguyện tất cả sau khi được phóng sanh rồi, vĩnh viễn không gặp ác ma, hoặc bị nuốt chững, hoặc bị sa lướt. Sống hết tuổi thọ, sau khi mệnh chung, thừa lực Tam Bảo, tùy duyên vãng sanh, trì giới tu hành, gặp Phật nghe Pháp, Bồ Tát thọ ký, chuyển hóa chúng sanh.

諸佛子等，此七如來，以誓願力，拔濟眾生。
三稱其名，千生離苦，證無上道，惟願汝等，
既放以後，永不遭遇，惡魔吞噉，網捕相加，
獲盡天年，命終之後，承三寶力，隨緣往生，
持戒修行，見佛聞法，授菩薩記，轉化眾生。

Lại nguyện các đệ tử... phát tâm phóng sanh, hành nguyện Bồ Đề, niệm niệm sáng suốt, cứu giúp và bảo vệ chúng sanh, tưởng như chính mình, được sanh Cực Lạc, gặp Phật Di Đà, chứng Vô Sanh Nhẫn, phân thân khắp cõi, đến vô lượng kiếp, rộng độ chúng sanh. Đồng thời cùng nguyện, những người săn bắt, hồi tâm hướng thiện, cùng được giải thoát, cùng chứng Chân Không Thường Tịch Niết Bàn.

更願放生弟子眾等，菩提行願，念念增明，救護眾生，常如己想，得生安養，見阿彌陀佛，證無生忍，分身塵剎，盡未來際，廣度眾生。並願捕生人等，回心向善，同得解脫，共證真常。



Tán

讚

Praise

Thai noãn thấp hóa　　Đa kiếp trầm mê

胎 卵 濕 化　　多 劫 沉 迷

tāi luǎn shī huà　　duō jié chén mí

Quy y Tam Bảo phát Bồ Đề

皈 依 三 寶 發 菩 提

guī yī sān bǎo fā pú tí

Lung võng bộ miễn ly

籠 網 捕 免 離

lóng wǎng bǔ miǎn lí

Hải khoát thiên phi　　Tùy Phật sanh Đạo Lợi

海 闊 天 飛　　隨 佛 生 忉 利

hǎi kuò tiān fēi　　suí fó shēng dāo lì

Nam Mô ThăngThiên Giới　　Bồ Tát Ma Ha Tát

南 無 昇 天 界　　菩 薩 摩 訶 薩

ná mó shēng tiān jiè　　pú sà mó hē sà

Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật

摩 訶 般 若 波 羅 蜜

mó hē bō rě bō luó mì

Đại chúng cùng niệm:
大眾齊念:
All recite:

Nam	Mô	Tây	Phương	Cực	Lạc	Thế	Giới
南	無	西	方	極	樂	世	界
ná	mó	xī	fāng	jí	lè	shì	jiè

Đại	Từ	Đại	Bi	A	Di	Đà	Phật
大	慈	大	悲	阿	彌	陀	佛
dà	cí	dà	bēi	ā	mí	tuó	fó

Three Refuges

To the Buddha I return and rely, vowing that all living beings, understand the great way profoundly, and bring forth the Bodhi mind.

To the Dharma I return and rely, vowing that all living beings, deeply enter the Sutra Treasury, and have wisdom like the sea.

To the Sangha I return and rely, vowing that all living beings, form together a great assembly, one and all in harmony.

Tam Quy Y

三 皈 依

Three Refuges

Tự quy y Phật 。 Đương nguyện chúng sanh 。

自 皈 依 佛 。 當 願 衆 生 。

zì guī yī fó dāng yuàn zhòng shēng

Thể giải đại đạo 。 Phát vô thượng tâm 。

體 解 大 道 。 發 無 上 心 。

tǐ jiě dà dào fā wú shàng xīn

Tự quy y Pháp 。 Đương nguyện chúng sanh 。

自 皈 依 法 。 當 願 衆 生 。

zì guī yī fǎ dāng yuàn zhòng shēng

Thâm nhập kinh tạng 。 Trí tuệ như hải 。

深 入 經 藏 。 智 慧 如 海 。

shēn rù jīng zàng zhì huì rú hǎi

Tự quy y Tăng 。 Đương nguyện chúng sanh 。

自 皈 依 僧 。 當 願 衆 生 。

zì guī yī sēng dāng yuàn zhòng shēng

Thống lý đại chúng 。 Nhất thiết vô ngại 。

統 理 大 衆 。 一 切 無 礙 。

tǒng lǐ dà zhòng yí qiè wú ài

Hòa nam thánh chúng 。

和 南 聖 衆 。

hé nán shèng zhòng

Dedication of Merit

Of great merit is this practice of repentance,

We now dedicate its merit and its boundless blessings,

To all who have been drowning in the currents of affliction.

May all who suffer soon go to the Land of Boundless Light.

We make this dedication also to the Buddhas,

And the Bodhisattvas all throughout the ten directions,

In the present, past, and future.
Maha Prajna Paramita!

Hồi Hướng

迴向

Dedication of Merit

Phóng sanh công đức thù thắng hạnh
放 生 功 德 殊 勝 行
fàng shēng gōng dé shū shèng hèng

Vô biên thắng phúc giai hồi hướng
無 邊 勝 福 皆 迴 向
wú biān shèng fú jiē huí xiàng

Phổ nguyện trầm nịch chư chúng sanh
普 願 沉 溺 諸 衆 生
pǔ yuàn chén nì zhū zhòng shēng

Tốc vãng Vô Lượng Quang Phật sát
速 往 無 量 光 佛 刹
sù wǎng wú liàng guāng fó chà

Thập phương tam thế nhất thiết Phật
十 方 三 世 一 切 佛
shí fāng sān shì yí qiè fó

Nhất thiết Bồ Tát Ma Ha Tát
一 切 菩 薩 摩 訶 薩
yí qiè pú sà mó hē sà

Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật
摩 訶 般 若 波 羅 蜜
mó hē bō rě bō luó mì

Nam Mô Hộ Pháp Vi Đà Bồ Tát

南無護法韋陀菩薩

Namo Dharma Protector Wei Tuo Bodhisattva



法界佛教總會・萬佛聖城
Dharma Realm Buddhist Association
City of Ten Thousand Buddhas
4951 Bodhi Way, Ukiah, CA 95482 USA
Tel: +1 707 462 0939
Fax: +1 707 462 0949
DRBA website: www.drba.org
BTTS website: www. buddhisttexts.org
E-mail: cttb@drba.org

國際譯經學院
The International Translation Institute
1777 Murchison Drive,
Burlingame, CA 94010-4504 USA
Tel: +1 650 692 5912
Fax: +1 650 692 5056

法界宗教研究院（柏克萊寺）
Institute for World Religions
(Berkeley Buddhist Monastery)
2304 McKinley Avenue,
Berkeley, CA 94703 USA
Tel: +1 510 848 3440
Fax: +1 510 548 4551

金山聖寺
Gold Mountain Monastery
800 Sacramento Street,
San Francisco, CA 94108 USA
Tel: +1 415 421 6117
Fax: +1 415 788 6001

金輪聖寺
Gold Wheel Monastery
235 North Avenue 58,
Los Angeles, CA 90042 USA
Tel: +1 323 258 6668
Fax: +1 323 258 3619

長堤聖寺
Long Beach Monastery
3361 East Ocean Boulevard,
Long Beach, CA 90803 USA
Tel/Fax: +1 562 438 8902

福祿壽聖寺
Blessings, Prosperity and
Longevity Monastery
4140 Long Beach Boulevard
Long Beach, CA 90807 USA
Tel/Fax: +1 562 595 4966

法界聖城
City of the Dharma Realm
1029 West Capitol Avenue,
West Sacramento, CA 95691 USA
Tel: +1 916 374 8268
Fax: +1 916 374 8234

金聖寺
Gold Sage Monastery
11455 Clayton Road,
San Jose, CA 95127 USA
Tel: +1 408 923 7243
Fax: +1 408 923 1064

華嚴精舍
Avatamsaka Vihara
9601 Seven Locks Road,
Bethesda, MD 20817-9997 USA
Tel/Fax: +1 301 469 8300

金峰聖寺
Gold Summit Monastery
233 1st Avenue West,
Seattle, WA 98119 USA
Tel/Fax: +1 206 284 6690

雪山寺
Snow Mountain Monastery
PO Box 272, 50924 Index-Galena Road
Index, WA 98256 USA
Tel: +1 360 799 0699
Fax: +1 815 346 9141

金佛聖寺
Gold Buddha Monastery
248 East 11th Avenue,
Vancouver B.C., V5T 2C3 Canada
Tel: +1 604 709 0248
Fax: +1 604 684 3754

華嚴寺
Avatamsaka Monastery
1009 4th Avenue S.W.,
Calgary, AB, T2P 0K8 Canada
Tel: +1 403 234 0644
Fax: +1 403 263 0637

美國法界佛教總會駐華辦事處
法界佛教印經會
Dharma Realm Buddhist
Books Distribution Society
臺灣省11575臺北市
忠孝東路六段85號11樓
11F., 85 Chung-Hsiao E. Rd., Sec.6.,
Taipei City 11575, Taiwan, R.O.C.
Tel: +886 2 2786 3022
Fax: +886 2 2786 2674

法界聖寺
Dharma Realm Sagely Monastery
臺灣省84445高雄市
六龜區興龍里東溪山莊20號
20 Dong-Si Shan-Jhuang,
Hsing-Lung Village, Liou-Guei Dist.,
Kaohsiung City 84445, Taiwan, R.O.C.
Tel: +886 7 689 3713
Fax: +886 7 689 3870

彌陀聖寺
Dharma Realm Sagely Monastery
臺灣省97445花蓮縣壽豐鄉
池南村富吉街126號
126 Fuji St., Chih-nan Village, Shou-feng,
Hualien County 97445, Taiwan, R.O.C.
Tel: +886 3 865 1956
Fax: +886 3 865 3426

佛教講堂
Buddhist Lecture Hall
香港跑馬地黃泥涌道31號12樓
31 Wong Nei Chong Road,
Top Floor, Happy Valley,
Hong Kong, China
Tel/Fax: +852 2572 7644
Fax: +852 2572 2850

慈興禪寺
Cixing Monastery
香港大嶼山萬丈瀑
Lantou Island, Man Cheung Po,
Hong Kong, China
Tel/Fax: +852 2985 5159

法界觀音聖寺
Dharma Realm Guan Yin
Sagely Monastery
161, Jalan Ampang,
50450 Kuala Lumpur, Malaysia
Tel : +60 3 2164 8055
Fax : +60 3 2163 7118

法緣聖寺
Fa Yuan Sagely Monastery
1, Jalan Utama, Taman
Serdang Raya,
43300 Seri Kembangan,
Selangor Darul Ehsan, Malaysia
Tel: +60 3 8958 5668

蓮華精舍
Lotus Vihara
136 Jalan Sekolah,
45600 Batang Berjuntai,
Selangor Darul Ehsan, Malaysia
Tel: +60 3 3271 9439

馬來西亞法界佛教總會檳城分會
Malaysia Dharma Realm Buddhist
Association Penang Branch
32-32C, Jalan Tan Sri Teh Ewe Lim,
11600 Jelutong, Penang, Malaysia
Tel: +60 4 281 7728
Fax: +60 4 281 7798

觀音聖寺
Guan Yin Sagely Monastery
166A, Jalan Temiang,
70200 Seremban,
Negeri Sembilan, Malaysia
Tel/Fax: +60 6 761 1988

金岸法界
Gold Coast Dharma Realm
106 Bonogin Road, Mudgeeraba,
Queensland 4213, Australia
Tel: +61 755 228 788
Fax: +61 755 227 822

放 生 儀 規

Ritual for Liberating Lives

西曆2015年2月17日・中越版（附漢語拼音）初版一刷
佛曆3042年12月29日・華嚴菩薩聖誕日恭印
Printed in Chinese/Vietnamese edition (with pinyin romanization of Chinese) on the Day of Avatamsaka Bodhisattva's Birthday, February 17, 2015 (the twenty-ninth day of the twelfth lunar month in the 3042nd year of the Buddha).

發行人 Distributed by : 法界佛教總會 Dharma Realm Buddhist Association

出 版 Published by : 法界佛教總會 Dharma Realm Buddhist Association
佛經翻譯委員會 Buddhist Text Translation Society
法界佛教大學 Dharma Realm Buddhist University

地 址 Address : 法界佛教總會 Dharma Realm Buddhist Association
萬佛聖城 City of Ten Thousand Buddhas
4951 Bodhi Way, Ukiah, CA 95482 U.S.A.
Tel : (707) 462-0939 Fax : (707) 462-0949

國際譯經學院 The International Translation Institute
1777 Murchison Drive, Burlingame, CA 94010-4504
Tel : (650) 692-5912 Fax : (650) 692-5056

倡 印 Printed by : 萬佛聖城 City of Ten Thousand Buddhas
4951 Bodhi Way, Ukiah, CA 95482 U.S.A.
Tel : (707) 462-0939 Fax : (707) 462-0949

Nghi Lễ Phóng Sanh

Ấn Hành Lần Thứ Nhất Vào Ngày Đản Sanh của Phổ Hiền Bồ Tát
Tây Lịch Ngày Mười Bảy Tháng Hai Năm 2015
Phật Lịch Ngày Hai Mươi Chín Tháng Mười Hai Năm 3042

Phát Hành : Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới

Xuất Bản : Tổng Hội Phật Giáo Pháp Giới • Ban Phiên Dịch Kinh Điển • Đại Học Phật Giáo Pháp Giới
Dharma Realm Buddhist Association
City of Ten Thousand Buddhas
4951 Bodhi Way, Ukiah, CA 95482 U.S.A.
Điện Thoại: (707) 462-0939 Fax: (707) 462-0949
The International Translation Institute
1777 Murchison Drive Burlingame, CA 94010-4504
Điện Thoại: (650) 692-5912 Fax: (650) 692-5056

Ấn Hành : Vạn Phật Thánh Thành
City of Ten Thousand Buddhas
4951 Bodhi Way, Ukiah, CA 95482 U.S.A.
Điện Thoại: (707) 462-0939 Fax: (707) 462-0949



Nơi đâu có kinh Phật,
Tức có Phật nơi đó.
Xin cung kính tôn trọng,
Và quảng bá lưu truyền.

佛典所在，即佛所在，敬請恭敬尊重，廣為流通。

Wherever Buddhist texts abide
There abide the Buddhas.
So cherish and venerate these books
And disseminate them far and wide.